

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/4/2024

“V/v tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Dương;

Ông Lê Văn Đáng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Kim Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh:**
Ông Lý Phước Bền, Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai theo hình thức trực tuyến vụ án thụ lý số 159/2024/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 01 tháng 4 năm 2024 và thông báo thời gian dời phiên tòa số 01/TB-TA, ngày 04 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Tú Tr, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp Tân Đ, xã Hiếu T, huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

- **Bị đơn:** Anh Sơn Th, sinh năm 1982. Địa chỉ: Ấp Bình T, xã Hiệp H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Nguyễn Thị Tú Tr trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2013 chị và anh Sơn Th được sự mai mối của hai bên gia đình nên tiến tới hôn nhân, có tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi cưới anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hiệp H, huyện Cầu Ngang, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống, đến năm 2015

thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi về lối sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không liên lạc. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Sơn Th.

- Về con chung: Chị và anh Sơn Th không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị không tranh chấp, không khởi kiện.

- Về số nợ phải thu, phải trả: Chị không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Sơn Th vắng mặt lần thứ hai không lý do nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều được tổng đạt đầy đủ cho các đương sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Tú Tr được ly hôn với anh Sơn Th. Về con chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung và số nợ phải thu phải trả, chị Tr không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị Nguyễn Thị Tú Tr nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm.

- Phần kiến nghị: Không có

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Sơn Th là bị đơn trong vụ án nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Thảo theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Tr khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Sơn Th, địa chỉ: Ấp Bình T, xã Hiệp H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang.

[3] Về hôn nhân: Vào năm 2013 chị Tr và anh Th xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hiệp H, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh. Từ đó xác định hôn nhân giữa chị Tr và anh Th là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay chị Tr trình bày: Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị là do thường xuyên xảy ra cự cãi về lối sống nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không liên lạc. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị cương quyết xin ly hôn với anh Sơn Th.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh Sơn Th đều vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

Xét thấy trong quá trình chung sống, giữa chị Tr và anh Th có xảy ra mâu thuẫn về lối sống nên vợ chồng anh, chị đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay, không quan liên lạc. Tại phiên tòa hôm nay, chị Tr xác định chị không còn tình cảm với anh Th, chị cương quyết xin ly hôn với anh Th. Quá trình giải quyết vụ án, anh Th đều vắng mặt không lý do thể hiện anh Th không có thiện chí hàn gắn. Từ đó xét thấy mâu thuẫn giữa chị Tr và anh Th là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Tr, về hôn nhân xử cho chị Nguyễn Thị Tú Tr được ly hôn với anh Sơn Th.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Tú Tr và anh Sơn Th không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả của vợ chồng: Chị Tr không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc chị Nguyễn Thị Tú Tr phải chịu án phí theo quy định.

Xét thấy quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 235, 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị Tú Tr.

- *Về hôn nhân*: Xử cho chị Nguyễn Thị Tú Tr được ly hôn với anh Sơn Th.

- *Về con chung*: Chị Nguyễn Thị Tú Tr và anh Sơn Th không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung và nợ phải thu, phải trả của vợ chồng*: Chị Tr không khởi kiện, không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Buộc chị Nguyễn Thị Tú Tr phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị Tr đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0001062, ngày 15 tháng 01 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Tr đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo*: Chị Nguyễn Thị Tú Tr có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Sơn Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Phương Hà

